

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỘC BÌNH  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 08-12-2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Giáp Thanh Long

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vi Văn Thanh;

Ông Lý Quang Ngọc.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Vương Thị Choi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Hứa Thế Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 144/2022/TLST - HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị H, sinh năm 1989, cư trú tại: Thôn K, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn Đ, sinh năm 1986, cư trú tại: Thôn K, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 24/8/2022, các lời khai sau đó và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lý Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa phương. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 21-5-2010. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, tuy nhiên đến năm 2017 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Hà Văn Đ không tu chí làm ăn, thường xuyên say rượu, chửi bới chị, đập

phá đồ đạc trong gia đình, chị đã khuyên bảo anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ không nghe, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2017 chị đi làm công nhân, hàng tháng vẫn gửi tiền về nuôi con, mùa vụ chị vẫn gửi tiền về cho mẹ chồng thuê người làm, anh Đ không có trách nhiệm gì với gia đình. Từ khi chị đi làm công nhân đến nay chị và anh Hà Văn Đ không liên lạc hỏi thăm nhau lần nào. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Hà Văn Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn Đ.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Hà Tuấn Đ, sinh ngày 12/01/2011 và cháu Hà Mỹ L, sinh ngày 13/12/2012. Từ khi chị đi làm công nhân đến nay các cháu sống cùng anh Hà Văn Đ. Chị Lý Thị H hiện nay làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh thu nhập khoảng 5.000.000 đồng -6.000.000 đồng/tháng. Do chị đi làm ăn xa, không có chỗ ở ổn định phải thuê trọ, nên khi ly hôn chị yêu cầu anh Hà Văn Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị H cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/01 con/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Bị đơn anh Hà Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 01-11-2022, anh Hà Văn Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như chị Lý Thị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2013 chị H tự ý đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh, anh không cho đi nhưng chị H vẫn cố tình đi. Sau khi đi làm thỉnh thoảng chị H vẫn về thăm gia đình và gửi tiền về nuôi con. Nhiều lần anh khuyên chị H không đi làm công ty nữa nhưng chị H không nghe. Vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì, anh không biết vì sao chị H viết đơn xin ly hôn. Từ rằm tháng 7 (âm lịch) năm 2022 chị H về một lần thăm con, sau đó không về lần nào nữa, cũng không liên lạc với anh và gia đình. Anh vẫn còn tình cảm với chị H nên chị H yêu cầu ly hôn anh không đồng ý. Nếu chị H cho rằng không còn tình cảm với anh, không thể chung sống cùng anh được nữa và nhất quyết đòi ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Hà Tuấn Đ, sinh ngày 12/01/2011 và cháu Hà Mỹ L, sinh ngày 13/12/2012. Chị Lý Thị H yêu cầu anh Hà Văn Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến khi đủ 18 tuổi, anh nhất trí và yêu cầu chị Lý Thị H cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/ con/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn: Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Lý Thị H đã chấp hành đúng, đầy đủ

quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa quy định tại Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hà Văn Đ đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng có thái độ không hợp tác, thiếu thiện chí như không có mặt theo giấy triệu tập, đồng ý cung cấp lời khai nhưng không ký biên bản,....

Về nội dung vụ án: Chị Lý Thị H và anh Hà Văn Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L ngày 21/5/2010, vì vậy xác định hôn nhân là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay, chị Lý Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn. Như vậy, giữa chị Lý Thị H và anh Hà Văn Đ đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đủ căn cứ giải quyết cho ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị giải quyết cho chị Lý Thị H được ly hôn với anh Hà Văn Đ. Về con chung: Xét thấy 02 con chung là cháu Hà Tuấn Đ và cháu Hà Mỹ L hiện nay đang sinh sống và học tập ổn định cùng với anh Hà Văn Đ; chị Lý Thị H nhất trí để anh Hà Văn Đ là người trực tiếp nuôi các con chung, 02 con cũng có nguyện vọng ở với bố, nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Hà Văn Đ yêu cầu chị Lý Thị H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/con/tháng. Chị H nhất trí cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/con/tháng. Xét về thu nhập của chị H, hiện nay chị H làm công nhân thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng-6.000.000 đồng. Để bảo đảm cuộc sống của người cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng thì mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/con là phù hợp với điều kiện của các bên. Do đó, căn cứ các điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn, cụ thể: Anh Hà Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung, chị Lý Thị H cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/ tháng/con, thời điểm cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung; nợ chung: Không có. Nguyên đơn chị Lý Thị H được miễn án phí do là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Hà Văn Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Hà Văn Đ.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Hà Văn Đ, cư trú tại thôn K, xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị Lý Thị H và anh Hà Văn Đ được tự do tìm hiểu và gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận số 18/2010, đăng ký ngày 21/5/2010, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo nguyên đơn chị Lý Thị H trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Đ thường xuyên say rượu, chửi bới chị, đập phá đồ đạc trong gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị Lý Thị H và anh Hà Văn Đ không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bị đơn anh Hà Văn Đ cho rằng không có mâu thuẫn gì, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án anh Đ có thái độ không hợp tác, thiếu thiện chí như không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án để đến Tòa án làm việc, đồng ý cung cấp lời khai nhưng không ký biên bản, có nhận văn bản tố tụng nhưng không ký biên bản giao nhận.... Hội đồng xét xử nhận thấy chị Lý Thị H và anh Hà Văn Đ không còn quan tâm yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, chị Lý Thị H yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Hà Văn Đ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Lý Thị H và anh Hà Văn Đ có 02 con chung là cháu Hà Tuấn Đ, sinh ngày 12/01/2011 và cháu Hà Mỹ L, sinh ngày 13/12/2012; từ khi chị H đi làm xa nhà các cháu sống với anh Hà Văn Đ, chị Lý Thị H và anh Hà Văn Đ đều nhất trí khi ly hôn anh Hà Văn Đ là người được trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trong thời gian ly thân các cháu được anh Hà Văn Đ chăm sóc đầy đủ, có ông bà nội hỗ trợ, vẫn ổn định cuộc sống, 02 con cũng có nguyện vọng ở với bố. Chị Lý Thị H hiện đang làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh có thu nhập nhưng không có chỗ ở ổn định, phải thuê trọ. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao 02 con chung là cháu Hà Tuấn Đ, sinh ngày 12/01/2011 và cháu Hà Mỹ L, sinh ngày 13/12/2012 cho anh Hà Văn Đ là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi tốt nhất cho các cháu.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hà Văn Đ yêu cầu chị Lý Thị H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/con/tháng. Chị H chỉ nhất trí cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/con/tháng. Xét về thu nhập của chị H, hiện chị làm công nhân tại

tỉnh Bắc Ninh thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng - 6.000.000 đồng, chi còn phải thuê nhà ở và các chi phí cá nhân khác. Để bảo đảm cuộc sống của người cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng thì mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/con là có cơ sở phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực và chị Lý Thị H phải chịu lãi suất chậm trả trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Lý Thị H được miễn án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con do là người dân tộc thiểu số (dân tộc Tày), sống tại xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí. Do vậy miễn án phí cho chị Lý Thị H theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lý Thị H được ly hôn với anh Hà Văn Đ.

*(Giấy chứng nhận kết hôn số 18, đăng ký ngày 21/5/2010 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn)*

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Hà Tuấn Đ, sinh ngày 12/01/2011 và cháu Hà Mỹ L, sinh ngày 13/12/2012 cho anh Hà Văn Đ là người

được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Lý Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/con/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ khi bản án có hiệu pháp lực pháp luật cho đến khi cháu Hà Tuấn Đ và cháu Hà Mỹ L đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Vì lợi ích con chung, các bên có quyền xin thay đổi mức cấp dưỡng hoặc phương thức cấp dưỡng nuôi con sau này. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lý Thị H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Lý Thị H được miễn án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lý Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Hà Văn Đ có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Giáp Thanh Long**









